

Bản án số: **135/2023/HNGĐ-ST**

Ngày: 25 - 5 - 2023

V/v: *Tranh chấp hôn nhân và gia đình*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀM YÊN, TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Hữu San

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Ma Thị Như Trang
2. Ông Nguyễn Văn Hiếu

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng Hạnh – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Ông Vũ Mạnh Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai theo hình thức số hóa vụ án thụ lý số 59/2023/TLST-HNGĐ, ngày 24/3/2023 về việc: Tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 21/4/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2023/QĐST-HNGĐ ngày 08/5/2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lục Thị T, sinh năm 1996.

Địa chỉ: Thôn X, xã E, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang.

2. Bị đơn: Anh Lộc Văn K, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Thôn X, xã E, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang.

(Nguyên đơn chị Lục Thị T có mặt; bị đơn anh Lộc Văn K vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo nội dung Đơn khởi kiện, Bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Lục Thị T trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Lộc Văn K kết hôn với nhau từ năm 2014, trước khi kết hôn hai bên được tự tìm hiểu, không bị ai cưỡng ép hay lừa dối kết hôn, được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương và đăng ký kết hôn tại UBND xã E, huyện Y vào ngày 17/10/2014. Cuộc sống chung của hai vợ chồng ban đầu hạnh phúc, nhưng đến năm 2015 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống và làm ăn kinh tế dẫn đến việc vợ chồng thường xuyên cãi vã, đánh chửi

nhau. Mặc dù đã được hai bên gia đình khuyên giải nhiều lần nhưng hai vợ chồng vẫn không thể tìm được tiếng nói chung mà ngày càng mâu thuẫn trầm trọng nên chị đã bỏ về sống cùng bố mẹ đẻ và sống ly thân với anh K từ năm 2021 cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân vợ chồng không hề có sự hỏi han, quan tâm, chăm sóc gì đến nhau dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng xa cách. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng với anh Lộc Văn K đã hết nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Kiên, để giải phóng cho cả hai đi tìm cuộc sống hạnh phúc của riêng mình.

Về con chung: Quá trình chung sống chị và anh Lộc Văn K có 01 con chung là cháu Lộc Minh Đ, sinh ngày 26/7/2015. Kể từ khi vợ chồng ly thân thì cháu Đ vẫn sống cùng anh K và ông bà nội. Hiện nay bản thân chị cũng chưa có chỗ ở ổn định nên khi ly hôn chị nhất trí giao cháu Đ cho anh K được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Chị không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản, đất đai, vay nợ chung: Quá trình chung sống vợ chồng chị không có tài sản, đất đai chung; không vay nợ của ai, cũng không cho ai vay nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt và niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật, nhưng bị đơn anh Lộc Văn K không có mặt tại Tòa án để tham gia tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và không có ý kiến gì đối với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Lục Thị T.

Tòa án đã tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ tại địa phương và ông Lộc Triều S là bố đẻ của bị đơn anh Lộc Văn K, nội dung thể hiện:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Lục Thị T và anh Lộc Văn K kết hôn với nhau từ năm 2014 trên cơ sở tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương, đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Sau khi cưới vợ chồng chị T, anh K về chung sống tại thôn X, xã E, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang. Cuộc sống chung của hai vợ chồng ban đầu hạnh phúc, nhưng do dần phát sinh mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống, không hợp về tính cách nên vợ chồng thường xuyên cãi vã, đánh chửi nhau. Vợ chồng chị T, anh K đã sống ly thân từ năm 2021 cho đến nay không còn quan tâm, chăm sóc gì đến nhau. Chính quyền địa phương và người thân thích của anh Lộc Văn K xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Lục Thị T và anh Lộc Văn K đã đến mức độ trầm trọng không thể hàn gắn nên đề nghị Tòa án giải quyết yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Lục Thị T theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng chị Lục Thị T, anh Lộc Văn K có 01 con chung là cháu Lộc Minh Đ, sinh ngày 26/7/2015. Kể từ khi vợ chồng ly thân thì cháu Lộc Minh Đ vẫn sống chung cùng anh Lộc Văn K, khi anh K đi làm ăn xa nhà thì cháu Đ vẫn được ông bà nội là vợ chồng ông Lộc Triều S và bà Ma Thị M thay mặt anh K quan tâm, chăm sóc, cho đi học đầy đủ.

Về tài sản, đất đai và vay nợ chung: Vợ chồng chị Lục Thị T và anh Lộc Văn K không có tài sản, đất đai, vay nợ chung.

Về hộ khẩu thường trú: Kể từ kết hôn vợ chồng chị Lục Thị T và anh Lộc Văn K đăng ký hộ khẩu thường trú và sinh sống tại thôn X, xã E, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang. Sau đó do mâu thuẫn với anh K nên chị T đã bỏ đi làm

ăn xa, còn anh K vẫn sinh sống tại thôn X, xã E cùng bố mẹ đẻ và con trai là cháu Lộc Minh Đ, sau đó anh K đi xuống thành phố Hà Nội làm ăn một vài ngày lại về thăm con và thường xuyên liên lạc bằng điện thoại với gia đình. Quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án chính quyền địa phương đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án sau đó chuyển lại cho người thân trong gia đình, gia đình cũng đã thông báo lại cho anh K biết về việc chị T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh K và Tòa án triệu tập anh K đến làm việc, tuy nhiên anh K báo lại là đang bận đi làm ăn tại thành phố Hà Nội nên không về để đến Tòa án làm việc được. Nhưng anh K không làm thủ tục đăng ký tạm trú, tạm vắng, không thông báo cho gia đình và địa phương biết mình hiện đang làm gì, ở địa chỉ cụ thể nào tại thành phố Hà Nội nên gia đình và địa phương không nắm được.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Yên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Thẩm phán thực hiện đúng quy định của Điều 26, 48 Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định đúng quan hệ tranh chấp, tư cách của người tham gia tố tụng; tiến hành xác minh, tổng đạt các văn bản cho đương sự, gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát đúng thời hạn quy định. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng trình tự, thủ tục được quy định tại chương XIV của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn chị Lục Thị T thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn anh Lộc Văn K chưa thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lục Thị T:

+ Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lục Thị T được ly hôn với anh Lộc Văn K.

+ Về con chung: Giao con chung là cháu Lộc Minh Đ, sinh ngày 26/7/2015 cho anh Lộc Văn K trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Lục Thị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung (do bị đơn trốn tránh nghĩa vụ không đến Tòa án làm việc nên không có ý kiến của bị đơn về nghĩa vụ cấp dưỡng). Chị Lục Thị T có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung sau khi ly hôn.

+ Về tài sản, đất đai, vay nợ chung: Nguyên đơn chị Lục Thị T xác định không có tài sản, đất đai vay nợ chung nên không yêu cầu giải quyết, do đó đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

+ Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử miễn án phí cho chị Lục Thị T do là người dân tộc thiểu số, sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Bị đơn anh Lộc Văn K không phải nộp tiền án phí.

Ngoài ra, Kiểm sát viên còn đề nghị Hội đồng xét xử tuyên quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và các chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về việc áp dụng pháp luật tố tụng dân sự:

Chị Lục Thị T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Lộc Văn K, do đó quan hệ pháp luật trong vụ án này được xác định là “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh Lộc Văn K có hộ khẩu thường trú và sinh sống tại thôn X, xã E, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang. Do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hàm Yên theo quy định tại các Điều 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ, xác minh tại gia đình và địa phương cho thấy bị đơn anh Lộc Văn K có hộ khẩu thường trú tại thôn X, xã E, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang. Như vậy nguyên đơn chị Lục Thị T đã cung cấp chính xác địa chỉ của bị đơn anh Lộc Văn K. Anh K đi làm ăn xa nhưng không thông báo tạm trú, tạm vắng cho chính quyền địa phương biết, một vài ngày lại về thăm con và thường xuyên liên lạc với gia đình nhưng không thông báo địa chỉ mới nên gia đình và địa phương không rõ anh K hiện đang làm gì, ở đâu. Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các tài liệu tố tụng (Thông báo về việc thụ lý vụ án; các Giấy triệu tập; Thông báo về việc mở phiên họp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải) theo quy định của pháp luật, mặc dù anh K đã biết được việc chị T khởi kiện xin ly hôn với mình, nhưng anh K không có mặt tại Tòa án để tham gia tố tụng, không có ý kiến đối với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Sau khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Tòa án tiến hành triệu tập hợp lệ anh K đến tham gia phiên tòa (niêm yết công khai) 02 lần nhưng bị đơn vẫn cố tình vắng mặt không có lý do chính đáng, như vậy đây được xem là trường hợp bị đơn cố tình che giấu địa chỉ, cố tình vắng mặt nhằm trốn tránh nghĩa vụ của mình. Quá trình xét xử vụ án, Tòa án tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng và xét xử vụ án vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại Điều 179, khoản 2 Điều 227 và các Điều 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về việc chấp hành pháp luật và thực hiện quyền, nghĩa vụ của đương sự:

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lục Thị T thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn anh Lộc Văn K chưa thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

[3] Về nội dung vụ án:

* Về quan hệ hôn nhân: Chị Lục Thị T và anh Lộc Văn K kết hôn với nhau từ năm 2014, trên cơ sở tự nguyện, không bị ai cưỡng ép hay lừa dối phải kết hôn và thực hiện việc đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận. Sau khi kết hôn hai vợ chồng về chung sống tại thôn X, xã E, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang. Cuộc sống hôn nhân của hai vợ chồng ban đầu hạnh phúc, sau đó dần phát sinh mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống, không hợp về tính cách

nên thường xuyên cãi vã, đánh chửi nhau. Mặc dù đã được hai bên gia đình khuyên can nhưng hai vợ chồng vẫn không thể hàn gắn nên đã sống ly thân với nhau từ năm 2021 cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân vợ chồng không còn hỏi han, quan tâm chăm sóc gì đến nhau. Chị T xác định tình cảm vợ chồng với anh Lộc Văn K đã hết nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh K. Do đó Hội đồng xét xử thấy rằng mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Lục Thị T và anh Lộc Văn K đã đến mức độ trầm trọng, không còn tồn tại một gia đình hạnh phúc, tiến bộ, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử cho chị Lục Thị T được ly hôn với anh Lộc Văn K là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

* Về con chung: Quá trình chung sống chị Lục Thị T và anh Lộc Văn K có 01 con chung là cháu Lộc Minh Đ, sinh ngày 26/7/2015. Kể từ khi chị T bỏ đi và sống ly thân với anh K thì cháu Lộc Minh Đ vẫn sống cùng với bố và ông bà nội, vẫn được quan tâm, chăm sóc, nuôi dưỡng và cho đi học đầy đủ. Bản thân chị T cũng xác định trong thời gian sống ly thân do không có việc làm và nơi ở ổn định nên chị không có điều kiện quan tâm, chăm sóc, nuôi dưỡng con. Do đó, khi ly hôn chị nhất trí giao cháu Đ cho anh Lộc Văn K tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Bản thân cháu Lộc Minh Đ cũng có nguyện vọng được tiếp tục sống cùng bố và ông bà nội. Quá trình giải quyết vụ án, anh Lộc Văn K cố tình vắng mặt, không có ý kiến gì về việc giao nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn. Do vậy, quyền yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung của anh K sẽ được giải quyết trong vụ án khác nếu anh K có yêu cầu. Mặt khác, ông bà nội cháu Đ là ông Lộc Triều S và bà Ma Thị M cũng nhất trí tiếp tục thay anh K nuôi dưỡng, chăm sóc cho cháu Đ khi anh K đi làm ăn xa nhà. Để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chưa thành niên, Hội đồng xét xử thấy rằng cần tiếp tục giao cháu Lộc Văn K cho anh Lộc Văn K trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Lục Thị T không phải thực hiện nghĩa cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung sau khi ly hôn theo quy định tại Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình.

* Về tài sản, đất đai, vay nợ chung: Qua kết quả xác minh tại địa phương và lời khai của nguyên đơn thể hiện vợ chồng chị Lục Thị T và anh Lộc Văn K không có tài sản, đất đai, vay nợ chung. Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Lục Thị T cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí và quyền kháng cáo bản án:

Nguyên đơn chị Lục Thị T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được miễn toàn bộ do là người dân tộc thiểu số, sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Bị đơn anh Lộc Văn K không phải nộp án phí. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 179, 227, 228, 235, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lục Thị T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lục Thị T được ly hôn với anh Lộc Văn K.

2. Về con chung: Giao cháu Lộc Minh Đ, sinh ngày 26/7/2015 cho anh Lộc Văn K trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Lục Thị T không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung sau khi ly hôn.

3. Về án phí: Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho nguyên đơn chị Lục Thị T. Bị đơn anh Lộc Văn K không phải nộp tiền án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Lục Thị T được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn anh Lộc Văn K được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Hàm Yên;
- Chi cục THADS huyện Hàm Yên;
- UBND xã E (Giấy chứng nhận kết hôn số 82, ngày 17/10/2014);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lương Hữu San